

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 4 - 2022

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình
Ly hôn – con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thanh Tiền
Bà Nguyễn Thị Thanh Huê

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:***
Bà Nguyễn Thị Diệu – kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 345/2021/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn – con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Văn Quốc N, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ 01, ấp HP, xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có mặt.

Bị đơn: Nguyễn Thúy Hằng, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 01, ấp HP, xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2021 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Nguyễn Văn Quốc N trình bày:*

Về hôn nhân: Ông và bà H kết hôn năm 2002, hôn nhân do mai mối và có tìm hiểu khoảng 06 tháng thì có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang vào năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng dần về sau thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp, ông bà thường hay cãi nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng sống

ly thân khoảng 04 năm nay. Nay nhận thấy tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được tình cảm của ông với bà H nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thúy Hằng.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn QC, sinh ngày 18/4/2003, Nguyễn ĐC, sinh ngày 22/3/2008 và Nguyễn Ngọc NH, sinh ngày 14/7/2012, cháu QC đã thành niên và có khả năng lao động được, cháu ĐC và cháu NH hiện đang sống với ông bà nội.

Ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu ĐC và cháu NH, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Gia đình ông cho thuê xe dịch vụ và ông là người trực tiếp lái xe, ngoài ra gia đình ông có nuôi nhà yến. Tiền thuê xe do ông giữ khi nào cha mẹ ông cần thì ông mới đưa lại. Thu nhập của ông khoảng 30.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Tôi tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Theo tự khai ngày 17 ngày 01 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Về điều kiện đi đến hôn nhân và thời gian kết hôn đúng như ông N trình bày. Theo bà, lý do mâu thuẫn là do ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, hiện tại ông đã có con với người phụ nữ này nên ông N đã có nhà riêng không có sống chung với cha mẹ ruột của ông. Hiện tại bà vẫn còn đang sống chung với cha mẹ chồng.

Bà cũng thừa nhận giữa vợ chồng đã mâu thuẫn nhưng nguyên nhân và phần lỗi là do ông N, cho đến nay ông N vẫn nói phần đúng, không chịu thừa nhận do đó bà không đồng ý ký tên ly hôn. Về tình nghĩa vợ chồng, bà xác định vợ chồng đã ly thân hơn 04 năm nay, tình cảm vợ chồng cũng không còn, thật sự cũng không thể quay lại chung sống. Nhưng do ông N không biết cách cư xử nên bà không đồng ý ký tên ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn QC, sinh ngày 18/4/2003, Nguyễn ĐC, sinh ngày 22/3/2008 và Nguyễn Ngọc NH, sinh ngày 14/7/2012, cháu QC đã thành niên và có khả năng lao động được, cháu ĐC và cháu NH hiện đang sống với ông bà nội.

Nếu ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và bà yêu cầu cấp dưỡng, về mức cấp dưỡng cụ thể như thế nào bà sẽ yêu cầu sau. Hiện bà và các con đang sống cùng ông bà nội, bà đang kinh doanh là bán bánh mì, bán cả ngày, thu nhập là 6.000.000 đồng/tháng. Thực tế, con chung lâu nay do ông bà nội chăm sóc và nuôi dưỡng, bà sống cùng ông bà nội, ông N đã sống riêng lâu nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với bà H. Về con chung thì ông có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu ĐC, cháu NH, tuy nhiên ông tôn trọng ý kiến của các con, nếu ông nuôi dưỡng thì ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Đối với ý kiến của bà H xin 01 căn nhà thì ông không đồng ý.

Bị đơn: xác định giữa vợ chồng có mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống nhưng nay bà chỉ đồng ý ly hôn nếu ông N lo cho bà 01 căn nhà để bồi thường mười mấy năm thanh xuân của bà. Về con chung bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu ĐC, cháu NH, bà thống nhất bên nội chăm sóc nuôi dưỡng các con tốt, phát triển bình thường cả về thể chất và tinh thần. Nếu ly hôn mà ông N đồng ý cho 01 căn nhà thì các mẹ con của bà sinh sống tại nhà đó, nếu không thì bà và các con tiếp tục sống tại nhà ba mẹ ông N, bà bán bánh mì thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng nên không thể ra ở trọ và chi phí sinh hoạt của các con sẽ do bên nội hỗ trợ. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông N ly hôn với bà H. Về con chung: ông bà có 03 con chung tên Nguyễn QC, sinh ngày 18/4/2003, Nguyễn ĐC, sinh ngày 22/3/2008 và Nguyễn Ngọc NH, sinh ngày 14/7/2012, cháu QC đã thành niên và có khả năng lao động được. Giao cháu ĐC, cháu NH cho ông N được nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H, địa chỉ cư trú của bà H là tại xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: ông N và bà H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay ông N yêu cầu ly hôn với lý do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi; bà H thì cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do ông N có người phụ nữ khác.

[2.2] Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng nay giữa ông bà đã xảy ra mâu thuẫn, dù đã ly thân 04 năm mà vẫn không thể giải quyết để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy nguyên nhân mâu thuẫn ông bà trình bày không thống nhất nhưng cả hai đều xác định nay không còn tình cảm với nhau, không thể cùng nhau chung sống, không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của ông N với bà H là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Ông bà có 03 (ba) con chung Nguyễn QC, sinh ngày 18/4/2003, Nguyễn ĐC, sinh ngày 22/3/2008 và Nguyễn Ngọc NH, sinh ngày 14/7/2012, cháu QC đã thành niên và có khả năng lao động được, cháu ĐC và cháu NH hiện đang sống với ông bà nội. Khi ly hôn, cả hai ông bà đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu ĐC và cháu NH. Do ông bà không thể thỏa thuận về người nuôi con do đó Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chung mà quyết định giao con chung cho người nào nuôi dưỡng.

[2.4] Qua xác minh, ông N và bà H có sinh sống tại nhà ba mẹ ông N và có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp HP, xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, bà H thường vắng mặt tại địa phương, thỉnh thoảng mới về. Trong thời gian sinh sống tại địa phương gia đình ông N chấp hành tốt quy định pháp luật và chính sách nhà nước, là gia đình đạt chuẩn gia đình văn hoá. Gia đình ông N làm ruộng, nuôi yến và kinh doanh dịch vụ xe du lịch. Môi trường xung quanh nhà tốt, không có tệ nạn xã hội đảm bảo môi trường giáo dục tốt. Cháu ĐC và cháu NH từ khi sinh ra cho đến nay đều sống cùng ông bà nội, các cháu được ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng tốt, hai cháu đều đang đi học. Gia đình ông N đảm bảo đủ điều kiện về kinh tế cũng như đảm bảo môi trường chăm sóc giáo dục cháu ĐC và cháu NH phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Về vấn đề này, ông N và bà H cũng thừa nhận và thống nhất việc cháu ĐC và cháu NH được ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng tốt.

[2.5] Hiện ông N và bà H đều đang sinh sống tại nhà ba mẹ ông N, về công việc thì hiện ông N làm kinh tế gia đình, bà H thì đang bán bánh mì. Đồng thời, địa phương cung cấp bà H hay vắng mặt ở địa phương, bà H trình bày có thời gian bà về quê ngoại ở Bạc Liêu sinh sống khoảng 01 năm, thời gian này các con chung vẫn sống bên nội. Cả hai đều xác định việc chăm lo cho các con chung chủ yếu do ông bà nội trực tiếp chăm sóc, ông bà đều bận đi làm. Về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con chung thì ông N trình bày nếu ông được nuôi dưỡng con chung thì ông và các con vẫn tiếp tục sinh sống cùng ông bà nội do ông là con trai một trong gia đình. Bà H thì cho rằng do bà không có nhà và không đủ tiền ở trọ nên nếu được nuôi con chung, bà và các con vẫn sẽ tiếp tục sống tại nhà ông bà nội các cháu. Hội đồng xét xử nhận thấy, ông N và gia đình ông N có điều kiện chăm sóc và gần gũi các cháu hơn bà H và nguyện vọng của cháu ĐC và cháu NH đều mong muốn được tiếp tục sống cùng ba và ông bà nội, do từ nhỏ đến nay đều sống và học tập bên nội đã quen.

[2.6] Xét thấy, thời gian qua ông N và gia đình ông N chăm sóc nuôi dưỡng

cháu ĐC, cháu NH phát triển tốt cả về thể chất và tinh thần. Để đảm bảo ổn định tâm lý, cuộc sống sinh hoạt, học tập của con chung cũng như phù hợp nguyện vọng con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu ĐC, cháu NH cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng và bà H không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông N và thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Quốc N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Quốc N ly hôn với bà Nguyễn Thuý H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87, ngày 25 tháng 11 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã ĐHC, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Quốc N và bà Nguyễn Thuý H không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Ông bà có 03 (ba) con chung Nguyễn QC, sinh ngày 18/4/2003, Nguyễn ĐC, sinh ngày 22/3/2008 và Nguyễn Ngọc NH, sinh ngày 14/7/2012, cháu QC đã thành niên và có khả năng lao động được, cháu ĐC và cháu NH hiện đang sống với ông bà nội và ông N. Giao cháu ĐC, cháu NH cho ông N được tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông N và thành viên gia đình không được cản trở bà H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ

được giải quyết thành vụ án khác.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Quốc N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003392 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú. Bà Nguyễn Thuý H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn Quốc N, bà Nguyễn Thuý H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND H.Châu Phú;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- Đương sự;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương